TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2023/DS-PT
Ngày 20/3/2023
V/v "Tranh chấp đòi nhà, tranh chấp quyền sở hữu và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Minh

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

2. Bà Lê Thị Mỹ Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/3/2023 và 20/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 490/2022/DS-PT ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi nhà, tranh chấp quyền sở hữu và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"; Do Bản án dân sự sơ thẩm số 383/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐPT-DS ngày 12/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 1680/2023/QĐ-PT ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Bích V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 95/20 B.H, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Bích V là bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993 (Có mặt)

(Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 009862, quyển số 09/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/9/2022 của Văn phòng công chứng C.L).

Địa chỉ: 605 N.T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Phi L – Luật sư Văn phòng luật sư Q.L (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Đức T2 – Luật sư Công ty luật TNHH hãng luật R (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Phòng Công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 94-96 N.Q, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim T3 (có đơn xét xử vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Bích V.

6. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2020 của nguyên đơn bà Võ Thị Bích V và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Năm 2020, bà V và ông Ông T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 323/2020/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Theo nội dung quyết định thì phần tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết vì giữa vợ chồng bà không có tài sản chung. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân có tạo lập tài sản là căn nhà 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Văn bản thỏa thuận về tài sản được công chứng tại Phòng Công chứng H và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH00848 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2021 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật sang tên cho bà V vào ngày 26/9/2013 thì căn nhà trên là tài sản riêng của bà V. Nay bà V yêu cầu ông T phải bàn giao lại toàn bộ căn nhà trên cho bà V.

Bị đơn ông Huỳnh Minh T trình bày: Xác định căn nhà trên có trong thời kỳ hôn nhân nhưng đây là tài sản riêng của ông T nhờ bà V đứng tên dùm. Ông cung cấp tờ giấy có nội dung bà V đứng tên dùm căn nhà này và việc ông cam kết tài sản riêng vì ông là người làm ăn sợ thua lỗ sẽ mất căn nhà này nên mới tự nguyện ra công chứng xác lập tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra, việc mua bán căn nhà này đều do ông tiến hành và bà V không biết gì cả nên không thể xác định bà V đi mua căn nhà này. Ông T có yêu cầu phản tố đề nghị bà V phải trả lại bản chính chủ quyền nhà cũng như chuyển giao quyền sở hữu căn nhà này lại cho ông T.

Ngày 06/9/2022 ông T xin thay đổi và bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận căn nhà 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ

Chí Minh là tài sản chung vợ chồng và tuyên bố hai văn bản thỏa thuận về tài sản được công chứng tại Phòng Công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh là vô hiệu. Ông xác định nguồn tiền mua căn nhà là tài sản chung vợ chồng và tuyên vô hiệu do giả tạo vì ông sợ bị phát mãi thi hành cho bên thứ ba do ông có làm ăn vay mượn bên ngoài.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng H trình bày: Tại thời điểm công chứng 02 Văn bản thỏa thuận về tài sản theo số công chứng 02674, quyển số 09 công chứng chứng thực ngày 17/9/2013 và văn bản thỏa thuận về tài sản số công chứng 08763, quyển số 04 công chứng chứng thực ngày 23/4/2015 được thực hiện đúng quy định. Trường hợp có phát sinh tình tiết mới đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 383/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

[1.1] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về buộc ông Huỳnh Minh T có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ căn nhà 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00848 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2021 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật sang tên ngày 26/9/2013 cho bà Võ Thị Bích V.

[1.2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

[1.2.1] Vô hiệu 02 Văn bản thỏa thuận về tài sản theo số công chứng 02674, quyển số 09 do Phòng Công chứng H công chứng chứng thực ngày 17/9/2013 và văn bản thỏa thuận về tài sản số công chứng 08763, quyển số 04 công chứng chứng thực tại Phòng Công chứng H ngày 23/4/2015.

[1.2.2] Công nhận căn nhà 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00848 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2021 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật sang tên ngày 26/9/2013 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Võ Thị Bích V và ông Huỳnh Minh T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Kháng cáo, kháng nghị:*

Ngày 04/10/2022, nguyên đơn bà Võ Thị Bích V có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 383/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 627/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm số 383/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị

đơn. Và kháng nghị bản án sơ thẩm đã ghi sai tên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

** Tại phiên toà phúc thẩm:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị về nội dung bản án sơ thẩm ghi sai tên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vì đã có quyết định sửa chữa, bổ sung của Tòa án nhân dân Quận M; Giữ nguyên nội dung kháng nghị khác tại Quyết định kháng nghị số 627/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Bích V.

- Bị đơn ông Huỳnh Minh T Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông T vì căn cứ vào văn bản xác nhận tài sản riêng thể hiện ông T tự nguyện ký 02 văn bản xác nhận tài sản riêng cho bà V, không bị ai ép buộc và không có chứng cứ thể hiện vệc ông T có nợ nên phải ký xác nhận tài sản riêng cho bà V để tránh thực hiện nghĩa vụ. Ngoài ra tại cấp sơ thẩm sau khi có quyết định xét xử ông T mới có yêu cầu phản tố về việc hủy 02 văn bản công chứng là không đúng quy định tố tụng; Và thời hiệu khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu đã hết theo quy định.

- *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Do ông T có mượn tiền làm ăn bên ngoài nên đã ký văn bản thỏa thuận cam kết tài sản riêng cho bà V nhằm không bị ảnh hưởng đến nghĩa vụ nếu có phát sinh với bên thứ ba, 02 văn bản công chứng tài sản riêng là không đúng với thực tế vì phía bà V cũng xác nhận tiền mua căn nhà là tiền chung của 02 vợ chồng trong thời kì hôn nhân. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì kháng cáo của phía nguyên đơn là không có cơ sở.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Căn cứ vào 02 văn bản xác nhận tài sản riêng do bị đơn ông T ký xác nhận, thể hiện ý chí xác nhận tài sản riêng của ông T là hoàn toàn tự nguyện, do đó căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình có

cơ sở xác định nhà đất tại 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà V. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 42 Luật hôn nhân gia đình xác định tài sản chung trong thời kì hôn nhân của bà V và ông T là không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ.

Từ phân tích trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị về bản án sơ thẩm ghi sai tên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn;

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận M Thành phố Hồ Chí Minh.

- Sửa Bản án sơ thẩm số 383/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Bích V, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận M và kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Bích V còn trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng H Thành phố Hồ Chí Minh có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim T3 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Xét kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện ông Huỳnh Minh T và bà Võ Thị Bích V kết hôn từ năm 2011 và đã ly hôn vào năm 2020. Ngày 17/9/2013 bà V ký hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 026265 với ông Ngô Văn Hùng để mua căn nhà 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Cùng ngày 17/9/2013 ông T và bà V ký thỏa thuận tài sản riêng tại Phòng Công chứng H Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung văn bản công chứng thể hiện: "toàn bộ số tiền mua nhà ở và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở tại 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí

Minh là nguồn tiền riêng của bà Võ Thị Bích V, ông Huỳnh Minh T không có đóng góp bất cứ khoản tiền nào". Và ngày 23/4/2015 ông T và bà V ký tiếp văn bản thỏa thuận về tài sản đối với căn nhà trên với nội dung : "Tài sản nêu trên được tạo lập, xây dựng có nguồn gốc từ tài sản riêng của bà V" và "Toàn bộ nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Võ Thị Bích V tạo lập là tài sản riêng của bà V. Ông Huỳnh Minh T không có đóng góp công sức hoặc tiền bạc trong bất động sản nêu trên".

Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH00848 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2021 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật sang tên cho bà V vào ngày 26/9/2013 thể hiện nhà đất trên được mua vào thời gian ông Huỳnh Minh T và bà Võ Thị Bích V chưa ly hôn, đây là tài sản có trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà V.

Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn đều xác nhận số tiền mua căn nhà trên là nguồn tiền chung của bà V và ông T cùng bỏ ra, việc giao dịch mua nhà là do ông T và bà V cùng tiến hành thực hiện, lời khai này phù hợp với chứng cứ là giấy ghi ngày 19/9/2013 nội dung thể hiện việc giao nhận tiền cho bên bán nhà có chữ ký của bà V và ông T.

Từ lời khai xác nhận của bà V và các chứng cứ thể hiện nguồn tiền mua căn nhà 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là tiền chung của cả ông T và bà V, tuy nhiên tại Văn bản thỏa thuận về tài sản theo số công chứng 02674, quyển số 09 do Phòng Công chứng H công chứng chứng thực ngày 17/9/2013 và văn bản thỏa thuận về tài sản số công chứng 08763, quyển số 04 được công chứng chứng thực tại Phòng Công chứng H ngày 23/4/2015 thể hiện nội dung toàn bộ tiền mua nhà là tiền riêng của bà V, ông T không có đóng góp bất kì khoản tiền nào. Nội dung thỏa thuận này là không đúng thực tế, có giấu hiệu giả tạo do đó lời trình bày của ông T cho rằng việc xác nhận tài sản riêng cho bà V nhằm trốn tránh nghĩa vụ khác là có căn cứ. Do đó cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 124 Bộ luật Dân sự tuyên bố 02 văn bản thỏa thuận về tài sản theo số công chứng 02674, ngày 17/9/2013 và văn bản số công chứng 08763, ngày 23/4/2015 vô hiệu do giả tạo là có cơ sở.

Do 2 văn bản thỏa thuận về tài sản bị vô hiệu và căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình: "1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung. 3. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung" nên có cơ sở xác định nhà đất tại 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà V.

Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhận thấy: Luật sư cho rằng cấp sơ thẩm sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét

xử thì ông T mới có yêu cầu phản tố về việc hủy 02 văn bản công chứng là không đúng quy định tố tụng và thời hiệu khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu đã hết theo quy định; Ý kiến này của Luật sư là không có cơ sở vì việc bị đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu phản tố sau khi Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng việc thay đổi, bổ sung yêu cầu phản tố của ông T không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và nhằm giải quyết triệt để vụ án nên tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định. Về thời hiệu khởi kiện đối yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu do giả tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện không bị hạn chế.

Ý kiến của của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không được chấp nhận như đã phân tích trên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, thu thập, đánh giá đúng và đầy đủ tài liệu, chứng cứ đối với vụ án; Bản án dân sự sơ thẩm số 383/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng pháp luật; Nội dung kháng cáo, kháng nghị yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 1, 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 33, 42 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 124 (Điều 129 BLDS 2005), khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận M về nội dung Bản án sơ thẩm đã ghi sai tên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Bích V; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 383/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Kèm theo Quyết định sửa chữa, bổ

sung Bản án số 383/2022/QĐ-SCBS ngày 11/10/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh);

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về buộc ông Huỳnh Minh T có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ căn nhà 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00848 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2021 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật sang tên ngày 26/9/2013 cho bà Võ Thị Bích V.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

2.1. Vô hiệu 02 Văn bản thỏa thuận về tài sản theo số công chứng 02674, quyển số 09 do Phòng Công chứng H công chứng chứng thực ngày 17/9/2013 và văn bản thỏa thuận về tài sản số công chứng 08763, quyển số 04 công chứng chứng thực tại Phòng Công chứng H ngày 23/4/2015.

2.2. Công nhận căn nhà 116/63/34 T.H.T, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00848 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2021 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật sang tên ngày 26/9/2013 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Võ Thị Bích V và ông Huỳnh Minh T.

Ông Huỳnh Minh T được quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất nêu trên.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Võ Thị Bích V chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049506 ngày 14/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Bà Võ Thị Bích V chịu 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng.

- Hoàn lại cho ông Huỳnh Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0050257 ngày 05/5/2021 và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018931 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Bích V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2021/0018982 ngày 04/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- TAND Quận M, Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận M, Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Anh Minh